

Số: 474/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 01 tháng 07 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 436/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Anh **Trần Viết H**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: **Số C A, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.**

2. Chị **Lê Đặng Thị Mỹ L**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: **Số C A, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.**

Nơi ở hiện tại: **Số C T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Trần Viết H** và chị **Đặng Thị Mỹ L** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 14/12/2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, khoảng vào năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh **H**, chị **L** yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh **Trần Viết H** và chị **Đặng Thị Mỹ L** xác nhận có 01 người con chung: cháu **Trần Phước Hoàng L1**, sinh ngày 24/11/2014. Anh **H**, chị **L** thỏa thuận: Giao cháu **Trần Phước Hoàng L1** cho anh **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), chị **L** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Anh **Trần Viết H** và chị **Lê Đặng Thị Mỹ L** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh **Trần Viết H** và chị **Lê Đặng Thị Mỹ L** xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh **Trần Viết H** và chị **Lê Đặng Thị Mỹ L** mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004043 ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Trần Viết H** và chị **Lê Đặng Thị Mỹ L** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh **Trần Viết H** và chị **Đặng Thị Mỹ L** xác nhận có 01 người con chung: cháu **Trần Phước Hoàng L1**, sinh ngày 24/11/2014. Anh **H**, chị **L** thỏa thuận: Giao cháu **Trần Phước Hoàng L1** cho anh **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), chị **L** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh **Trần Viết H** và chị **Lê Đặng Thị Mỹ L** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh **Trần Viết H** và chị **Lê Đặng Thị Mỹ L** xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh **Trần Viết H** và chị **Lê Đặng Thị Mỹ L** mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004043 ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP H;
- TAND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND phường A C, TP H  
(ĐKKH số 168/2015, quyền số: 01/2015  
ngày 14/12/2015);
- Lưu HCTP;
- Lưu: Hồ sơ việc hôn nhân gia đình.

**THẨM PHÁN**

**Trần Dũng**